TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 9 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C1; địa chỉ (Phòng giao dịch thị xã C1, tỉnh Sóc Trăng): Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1: Ông Nguyễn Việt C – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã C1, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K quen biết, có tình cảm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Sau khi cưới, hai người sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Đến đầu năm 2017, giữa bà N và ông K bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên sống ly thân với nhau vào giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, giữa bà N và ông K không có con chung, có 01 khoản nợ chung do vay tiền của Ngân hàng C1 để xây dựng nhà ở với số tiền 25.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông K tạo lập 01 căn nhà trên đất của cha mẹ của ông K nhưng bà N không có yêu cầu gì đối với căn nhà này. Yêu cầu chia đôi khoản nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã N với số tiền 25.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 12.500.000 đồng và tiền lãi tương ứng.

Ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn K:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 7088011357 ngày 16-5-2018; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 01-5-2018 và giấy ủy quyền vay vốn ngày 01-5-2018 của bà Nguyễn Thị N cùng chồng là ông Nguyễn Văn K đã vay vốn tại Ngân hàng C1, tỉnh Sóc Trăng. Tạm tính đến ngày 09-8-2023, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K còn nợ Ngân hàng số tiền như sau:

- Nợ gốc 25.000.000 đồng.

- Số tiền lãi phát sinh là 523.973 đồng.

- Tổng cộng: 25.523.973 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K vi phạm thời hạn trả nợ và làm thủ tục ly hôn với nhau. Do đó, Ngân hàng C1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K trả dứt nợ gốc và nợ lãi nêu trên; đồng thời tiếp tục trả lãi cho đến ngày tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn đã được giải thích về việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nhưng nguyên đơn vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ý kiến giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, chia đôi số nợ chung theo quy định; đồng thời, chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1, buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết cho ly hôn trong trường hợp không có đăng ký kết hôn; giải quyết vấn đề tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung của nam, nữ chung sống như vợ chồng và tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân, theo nguyên đơn trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, xác lập từ năm 2002. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối gì đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, HĐXX xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã được giải thích rõ việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nhưng vẫn cương quyết yêu cầu giải quyết cho ly hôn, HĐXX căn

cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

[4] Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có con chung và không ai có yêu cầu gì khác, HĐXX không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có tạo lập 01 căn nhà trên đất của cha mẹ và khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu gì đối với căn nhà này mà đồng ý giao hết cho bị đơn. Đây là sự định đoạt của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận và không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với nợ chung, nguyên đơn yêu cầu phân chia số nợ chung là khoản vay tại Ngân hàng C1 với số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

[6] HĐXX xét thấy, bà N và ông K không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng trong một khoảng thời gian dài, được hai bên gia đình và cộng đồng thừa nhận. Ngoài ra, quan hệ vợ chồng của bà N, ông K cũng tồn tại thực tế đến ngày 30-01-2023 theo nội dung xác nhận cùng ngày của đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú. Căn cứ vào Sổ vay vốn có mã khách hàng 7088011357, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01-5-2018 và hồ sơ tín dụng do Ngân hàng C1 cung cấp, khoản vay 25.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu chia đôi là khoản vay thuộc chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn do bà Nguyễn Thị N đại diện hộ vay, mục đích vay chăn nuôi heo và sửa chuồng. Như vậy, đây là khoản vay phát sinh trong thời gian bà N và ông K chung sống với nhau như vợ chồng, đối tượng vay là hộ gia đình và nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 16, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu phân chia nợ chung của bà Nguyễn Thị N là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1: Căn cứ vào hồ sơ tín dụng nêu trên, việc thỏa thuận vay vốn của bà N, ông K và Ngân hàng C1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận, vốc gốc là 25.000.000 đồng; lãi suất 9%/năm, lãi quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Mặc dù khoản nợ đã được gia hạn đến ngày 16-5-2025 nhưng do bà N, ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi theo kỳ hạn và đã chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng nên Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu trả nợ trước hạn là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng nên được HĐXX chấp nhận. Tính đến thời điểm xét xử 30-9-2023, khoản nợ còn phải thanh toán 25.000.000 đồng nợ gốc và 844.522 đồng nợ lãi, tổng cộng 25.844.522 đồng (mỗi người phải trả 12.922.261 đồng). Đồng thời, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1, đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 16, Điều 37, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Xác định khoản vay gốc và lãi tạm tính đến ngày xử 25.844.522 đồng là nợ chung của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K. Phân chia nợ chung bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán 12.922.261 đồng, ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ thanh toán 12.922.261 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1.

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C1 số tiền 25.844.522 đồng. Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả 12.922.261 đồng, trong đó tiền gốc 12.500.000 đồng, tiền lãi 422.261 đồng. Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả 12.922.261 đồng, trong đó tiền gốc 12.500.000 đồng, tiền lãi 422.261 đồng.

Kể từ ngày 01-10-2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C1, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi

suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01-5-2018.

3. Án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 646.113 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 946.113 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006563 ngày 10-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị N còn phải nộp 646.113 đồng.

- Bị đơn Nguyễn Văn K phải chịu 646.113 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm